TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1345/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thành Thông.

2/ Bà Hàn Hòa Thuận.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2016/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1973.
Địa chỉ: 360/107 NTMT, Phường A, Quận B, TP Hồ Chí Minh, VN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lư Quang V- Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên GMT- thuộc Đoàn luật sư TP Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 360/107 NTMK, Phường A, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Marran S/O R, sinh năm 1959.
Quốc tịch: S.
Địa chỉ: See Page 2, Ministry of home Affairs, S.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/4/2016, bản tự khai ngày 17/3/2017 của nguyên đơn Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H trình bày:

Bà và Ông Marran S/O R tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2011.

Sau khi kết hôn được hai tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể khắc phục do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm, ngôn ngữ, phong tục tập quán, đến tháng 3 năm 2011 vợ chồng bà sống ly thân. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với Ông Marran S/O R để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà H khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 305/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền S thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 13 tháng 4 năm 2018, lần thứ hai vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 09 tháng 5 năm 2018 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11 tháng 6 năm 2018; lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 10 tháng 7 năm 2018 đối với Ông Marran S/O R.

Ngày 15/9/2017, Bộ Tư pháp đã có công văn số 3033/BTP-PLQT về việc thực hiện ủy thác tư pháp theo đó, đề nghị Bộ Ngoại giao thực hiện ủy thác tư pháp đối với Ông Marran S/O R.

Ngày 11/6/2018, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 3320/TATP-TGĐVNCTN gửi Bộ Tư pháp đề nghị thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với Ông Marran S/O R.

Ngày 11/6/2018, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có thông báo số 4237/TB-TA gửi Ông Marran S/O R thông báo xét xử công khai lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 27 tháng 9 năm 2018 đối với Ông Marran S/O R.

Ngày 17/7/2018, Bộ Tư pháp có công văn số 2353/BTP-PLQT về tiến độ thực hiện ủy thác tư pháp, theo đó Bộ Tư pháp đã có công văn số 3033/BTP-PLQT ngày 15/9/2017 gửi Bộ Ngoại giao đề nghị tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật nhưng đến nay Bộ Tư pháp vẫn chưa nhận được kết quả trả lời.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 25/9/2018, nguyên đơn Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công tác xa.

Ngày 25/9/2018, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là luật sư Lư Quang V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công tác và có văn bản trình bày ý kiến giải quyết vụ án ly hôn như sau: Bà và Ông Marran S/O R tự nguyện kết

hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2011. Sau khi kết hôn được hai tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể khắc phục do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm, ngôn ngữ, phong tục tập quán, đến tháng 3 năm 2011 vợ chồng bà sống ly thân. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H và Ông Marran S/O R.

Bị đơn Ông Marran S/O R đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng Ông Marran S/O R không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H được ly hôn với Ông Marran S/O R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn Ông Marran S/O R đang cư trú hợp pháp tại S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H, Ông Lư Quang V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông Marran S/O R đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ông Marran S/O R, Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H và Ông Lư Quang V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2011 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H và Ông Lư Quang V là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời khai của bà H thì được hai tháng thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng không thể khắc phục do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm, ngôn ngữ, phong tục tập quán, đến tháng 3 năm 2011 vợ chồng bà sống ly thân. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng bà H và Ông Marran S/O R mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Ông Marran S/O R là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Bà H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm c Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H.

Quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H được ly hôn với Ông Marran S/O R.

Giấy chứng nhận kết hôn số giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 06/01/2011 cho Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H và Ông Marran S/O R không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AE/2011/02890 ngày 03/6/2016 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Bà H đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Huỳnh Nguyễn Ngọc H nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với Ông Marran S/O R thời hạn kháng cáo bản án là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân tỉnh TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt